

Số: 61 /2008/QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
**Về mức tiền môi giới người lao động hoàn trả
cho doanh nghiệp tại một số thị trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 16/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/09/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính, quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy định về mức tiền môi giới tối đa người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) tại một số thị trường theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào mức tiền môi giới tối đa người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp quy định tại Quyết định này, doanh nghiệp thoả thuận với người lao động mức tiền môi giới cụ thể người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp.

Điều 3. Mức tiền môi giới người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp (nếu có) phải được ghi rõ trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và doanh nghiệp được thu một lần trước khi người lao động xuất cảnh ra nước ngoài làm việc.

Điều 4. Việc thu nộp, quản lý và sử dụng tiền môi giới người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số

16/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/09/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 5. Cục Quản lý lao động ngoài nước có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này của doanh nghiệp và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức phí môi giới xuất khẩu lao động tại một số thị trường, có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và áp dụng đối với các hợp đồng đăng ký thực hiện tại Cục Quản lý lao động ngoài nước kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 7. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Các doanh nghiệp XKLD;
- Công báo;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Lưu: VT, Vụ Pháp chế, Cục QLLĐNN (10 bản).

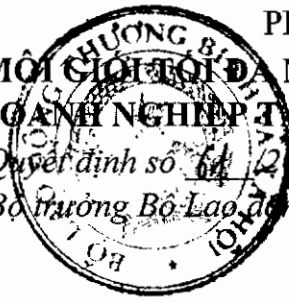
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Hòa

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

PHỤ LỤC

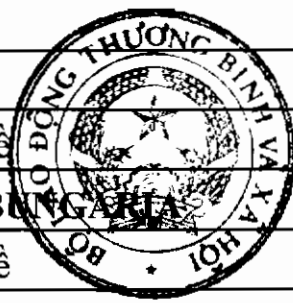
**MỨC TIỀN MÔI GIỚI TỐI ĐA NGƯỜI LAO ĐỘNG HOÀN TRẢ CHO
DOANH NGHIỆP TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-LĐTBXH ngày 12/8/2008 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

TT	THỊ TRƯỜNG/ NGÀNH NGHỀ	MỨC TIỀN MÔI GIỚI TỐI ĐA/ NGƯỜI/ HỢP ĐỒNG
	ĐÀI LOAN	
1	Công nhân nhà máy, xây dựng	1.500 USD
2	GVGD, chăm sóc sức khỏe	800 USD
3	Thuyền viên tàu cá xa bờ	Không
	MALAYSIA	
4	Lao động nam	300 USD
5	Lao động nữ	250 USD
6	Lao động làm cho Công ty Outsourcing	200 USD
7	Lao động làm việc tại gia đình	Không
	NHẬT BẢN	
8	Mọi ngành nghề	1.500 USD
	HÀN QUỐC	
9	Thực tập viên trên tàu cá (gần bờ)	500 USD
	BRUNEI	
10	Công nhân nhà máy, nông nghiệp	250 USD
11	Công nhân xây dựng	350 USD
12	Dịch vụ	300 USD
13	Lao động làm việc tại gia đình	200 USD
	MACAU	
14	Công nhân xây dựng	1.500 USD
15	Lao động làm việc tại gia đình	400 USD
16	Dịch vụ bảo vệ, vệ sinh	700 USD

17	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	1.000 USD
	MALDIYES	
18	Mọi ngành nghề	500 USD
	Ả RẬP XE ĐẠ	
19	Lao động không nghề	300 USD
20	Lao động có nghề	500 USD
21	Lao động làm việc tại gia đình	Không
	NHÀ NƯỚC QATAR	
22	Lao động không nghề	300 USD
23	Lao động có nghề, bán lẻ nghề	400 USD
	CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP THỐNG NHẤT (UAE)	
24	Lao động không nghề	300 USD
25	Lao động có nghề, bán lẻ nghề	400 USD
	VƯƠNG QUỐC BAHRAIN	
26	Lao động không nghề	300 USD
27	Lao động có nghề, bán lẻ nghề	400 USD
	VƯƠNG QUỐC OMAN	
28	Lao động không nghề	300 USD
29	Lao động có nghề, bán lẻ nghề	400 USD
	VƯƠNG QUỐC JORDAN	
30	Mọi ngành nghề	400 USD
	NHÀ NƯỚC KUWAIT	
31	Lao động không nghề	300 USD
32	Lao động có nghề, bán lẻ nghề	400 USD
	ALGERIA	
33	Mọi ngành nghề	200 USD
	AUSTRALIA	
34	Mọi ngành nghề	3.000 USD
	CỘNG HÒA CZECH	
35	Mọi ngành nghề	1.500 USD
	CỘNG HOÀ SLOVAKIA	
36	Mọi ngành nghề	1.000 USD

Handwritten signature

	BALAN	
37	Mọi ngành nghề	1.000 USD
	CỘNG HOÀ BUNGARIA	
38	Mọi ngành nghề	500 USD
	LIÊN BANG NGA	
39	Mọi ngành nghề	700 USD
	UCRAINA	
40	Mọi ngành nghề	700 USD
	BELARUSIA	
41	Mọi ngành nghề	700 USD
	CỘNG HOÀ LATVIA	
42	Mọi ngành nghề	700 USD
	CỘNG HOÀ LITVA	
43	Mọi ngành nghề	700 USD
	CỘNG HOÀ ESTONIA	
44	Mọi ngành nghề	700 USD
	CỘNG HÒA SÍP	
45	Lao động làm việc tại gia đình	350 USD



de